



**NGHỊ QUYẾT**  
**CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH**  
**về phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản tập trung, bền vững,**  
**ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

**I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN**

1. Trong nhiệm kỳ 2015-2020, Ban Thường vụ tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp tập trung triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; trong đó tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp tốt, ứng dụng công nghệ cao vào một số khâu của sản xuất như ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm, nhà lưới, nhà kính, sử dụng giống cây trồng nuôi cấy mô, ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý chất thải chăn nuôi... Đến nay, nông nghiệp của tỉnh đã có bước phát triển tích cực, cây ăn quả, cây công nghiệp chủ lực được đầu tư chiều sâu, gắn với thị trường tiêu thụ; chăn nuôi được quan tâm phát triển cả về quy mô và chất lượng; công tác bảo vệ, phát triển rừng có nhiều tiến bộ, độ che phủ rừng được nâng lên; nhiều diện tích cây ăn quả có hiệu quả kinh tế cao, đời sống vật chất và tinh thần của nông dân từng bước được cải thiện; an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội khu vực nông thôn được đảm bảo.

2. Tuy nhiên nông nghiệp của tỉnh còn nhiều khó khăn, hạn chế, diện tích áp dụng công nghệ cao còn chiếm tỷ lệ thấp, thiếu tập trung; chưa có sản phẩm được công nhận là sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã được công nhận là tổ chức nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; cơ sở vật chất kỹ thuật thiết yếu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển (*thiếu kho lạnh; dịch vụ đầu vào về giống, vật tư kỹ thuật...*). Chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư vào sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đặc biệt là ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Nguyên nhân của khó khăn, hạn chế đó là do xuất phát điểm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh thấp, sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, phân tán; ý thức sản xuất về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của các tổ chức, cá nhân còn hạn chế; chi phí đầu tư cho nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao lớn; nguồn lực từ ngân sách nhà nước và nguồn vốn tín dụng trong đầu tư phát triển

nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế; việc huy động các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác vào phát triển các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế, đặc biệt là các nguồn vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã và tư nhân.

## **II- QUAN ĐIỂM**

1. Thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết số 15-NQ/ĐH ngày 24/9/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025: *“Thúc đẩy tăng trưởng xanh; xây dựng tỉnh Sơn La phát triển nhanh và bền vững; trở thành trung tâm phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của vùng Tây Bắc”*.

2. Phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản tập trung, bền vững, ứng dụng công nghệ cao trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng; tăng nhanh giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích, tăng khả năng cạnh tranh của các mặt hàng nông sản chủ lực, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững.

3. Đổi mới phương thức tổ chức sản xuất ngành nông nghiệp gắn với đào tạo nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân theo hướng: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tư cơ sở sản xuất, chế biến, tiêu thụ; người dân liên kết sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

## **III- MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Tập trung khai thác, tận dụng tốt lợi thế về điều kiện tự nhiên; xây dựng và phát triển các vùng, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt các tiêu chuẩn quốc tế phổ biến về an toàn vệ sinh thực phẩm theo chuỗi giá trị, tăng thu nhập cho người sản xuất nông nghiệp. Giảm thiểu tác động bất lợi về môi trường do khai thác các nguồn lực cho sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản; tăng hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Xây dựng tỉnh Sơn La trở thành trung tâm phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của vùng Tây Bắc.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

#### **2.1. Đến năm 2025**

- Cơ cấu nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 21% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh; phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản bình quân 5%/năm, giá trị sản xuất trên 1 ha đất trồng trọt tăng khoảng 10-15%/ha/năm; tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đến năm 2025 giảm xuống còn 58,9%. Tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản hàng hóa chủ lực của tỉnh theo chuỗi giá trị gắn với xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch chiếm 20 - 30% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của cả tỉnh. Phấn đấu giá trị thu nhập trên 1 ha đất canh tác ứng dụng công nghệ cao nhiều hơn 3 lần trở lên so với canh tác truyền thống.

- Xây dựng Trung tâm quốc gia nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp tại huyện Mộc Châu. Hình thành và phát triển các cơ sở sản xuất giống áp dụng công nghệ cao trở lên.

- Xây dựng và hình thành 01 khu, 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Có 08 vùng trở lên đủ điều kiện công nhận là vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có 02 doanh nghiệp trở lên được công nhận là doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Phân đầu đến năm 2025, diện tích cây trồng áp dụng VietGAP, GlobalGAP và các tiêu chuẩn tương đương: 13.179 ha; diện tích cà phê áp dụng 4C, UTZ: 15.000 ha; sản lượng vật nuôi áp dụng VietGAP và các tiêu chuẩn tương đương: 14.900 tấn; diện tích cây trồng áp dụng hệ thống tưới tiết kiệm nước: 5.378 ha; diện tích cây trồng áp dụng nhà lưới, nhà kính, nhà màng: 186 ha; hợp tác xã nông nghiệp có sử dụng công nghệ cao trong một hoặc một số khâu của sản xuất, chế biến nông sản, thủy sản: 325 hợp tác xã; tiếp tục xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh; duy trì và phát triển bền vững nhãn hiệu các sản phẩm nông sản đã được bảo hộ, gắn với phát triển các sản phẩm OCOP 3 sao, 4 sao, 5 sao. Tỷ lệ che phủ rừng đạt ổn định 50% (bao gồm cả diện tích cây ăn quả thân gỗ trồng trên đất dốc); từng bước nâng cao chất lượng rừng.

## **2.2. Định hướng đến năm 2030**

- Phát triển toàn diện nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, bao gồm hệ thống các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Đến năm 2030, diện tích cây trồng áp dụng VietGAP, GlobalGAP và các tiêu chuẩn tương đương: 39.700 ha; diện tích cà phê áp dụng 4C, UTZ: 16.000 ha; sản lượng vật nuôi áp dụng VietGAP và các tiêu chuẩn tương đương: 32.700 tấn; diện tích cây trồng áp dụng hệ thống tưới tiết kiệm nước: 19.200 ha; diện tích cây trồng áp dụng nhà lưới, nhà kính, nhà màng: 373 ha; hợp tác xã nông nghiệp có sử dụng công nghệ cao trong một hoặc một số khâu của sản xuất, chế biến nông sản, thủy sản: 605 hợp tác xã; duy trì và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm nông sản trở lên đã có nhãn hiệu được bảo hộ; phát triển các sản phẩm OCOP 3 sao, 4 sao, 5 sao. Tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm 30 - 40% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của cả tỉnh.

## **IV- NHIỆM VỤ**

1. Đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng các cơ sở sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, đảm bảo chất lượng đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong chọn, tạo, nhân giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, sản xuất giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu tốt với sâu bệnh, phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh thay thế các giống cây trồng hiệu quả thấp.

2. Phát triển ngành trồng trọt theo hướng sản xuất quy mô lớn, tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị, phát huy lợi thế của từng địa phương, phù hợp với nhu cầu của thị trường. Đẩy mạnh cơ giới hóa trong các khâu sản xuất, áp dụng khoa học công nghệ cao nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành sản phẩm và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển các loại rau, hoa, dược liệu, cây công nghiệp và cây ăn quả có lợi thế. Áp dụng các biện pháp thâm canh bền vững, thực hiện tốt các quy định về môi trường trong sử dụng phân bón, hóa chất và xử lý chất thải nông nghiệp... Trong đó, quan tâm phát triển cây lương thực có hạt theo hướng ưu tiên bảo vệ quỹ đất trồng lúa nước 2 vụ, giảm diện tích lúa nương; chú trọng thâm canh diện tích trồng ngô đáp ứng vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi... Đẩy mạnh thâm canh, nâng cao thu nhập trên 1 ha đất canh tác cây trồng hàng năm gắn với công nghiệp chế biến và tiêu thụ. Nâng cao sức cạnh tranh của ngành đường đáp ứng nhu cầu trong nước, từng bước hướng tới thị trường xuất khẩu. Khuyến khích phát triển các loại rau mang lại hiệu quả kinh tế cao và các loại rau của địa phương; tăng diện tích rau vụ đông và tăng vụ trên đất khác theo hướng nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm; xây dựng các vùng sản xuất rau tập trung, áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP)... Đẩy mạnh phát triển loại cây ăn quả ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn; rà soát chuyên một phần diện tích đất trồng cây lương thực năng suất, hiệu quả thấp và diện tích đất dốc, đất trũng, đồi trọc sang trồng cây ăn quả gắn với nhà máy chế biến quả trên địa bàn tỉnh, phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Đưa các giống cây trồng mới năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất. Duy trì vùng trồng cây cao su tập trung, ổn định cung cấp nguyên liệu cho chế biến. Quản lý, khai thác và sử dụng bền vững nguồn dược liệu tự nhiên. Phát triển vùng nguyên liệu dược liệu theo hướng sản xuất quy mô lớn, tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ.

3. Phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh theo hướng chuyển đổi nhanh, bền vững từ hình thức chăn nuôi nông hộ quy mô nhỏ sang chăn nuôi tập trung với hình thức gia trại, trang trại; liên kết giữa sản xuất với thị trường, bảo đảm an toàn dịch bệnh trong chăn nuôi, vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường, phát triển chăn nuôi theo chuỗi giá trị, đảm bảo các mục tiêu cơ bản về phúc lợi cho người chăn nuôi và người tiêu dùng.

Tập trung phát triển sản phẩm chăn nuôi có lợi thế và khả năng cạnh tranh cao như sữa, bò, dê, lợn, gia cầm, ong... , đồng thời phát triển sản phẩm chăn nuôi theo hướng tạo ra sản phẩm đặc sản của địa phương; quan tâm phát triển chăn nuôi đại gia súc đặc biệt là gia súc bản địa có ưu thế, tập trung, hàng hóa, theo chuỗi liên kết gắn với chương trình mỗi xã 1 sản phẩm. Phát triển đàn ong theo hướng thị trường gắn kết với nguồn mật từ phát triển ngành trồng trọt, đảm bảo tính sở hữu liên kết đa ngành. Nâng cao hiệu quả và gia tăng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi, thích ứng với biến đổi khí hậu, hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

4. Quản lý sử dụng bền vững diện tích rừng tự nhiên, thay thế các diện tích kém hiệu quả bằng rừng trồng năng suất cao, đáp ứng tiêu chí bền vững; phát triển diện tích rừng phòng hộ, điều chỉnh cơ cấu giống cây lâm nghiệp trồng rừng phòng hộ theo hướng cây đa tác dụng, đa mục tiêu. Tập trung phát triển rừng sản xuất; cải thiện sinh kế cho người trồng rừng thông qua phí dịch vụ môi trường rừng; nâng cao hiệu quả kinh tế rừng trồng theo hướng phát triển lâm nghiệp đa chức năng. Xây dựng, phát triển rừng gắn với phát triển chuỗi giá trị lâm sản từ trồng, khai thác, chế biến và thị trường tiêu thụ phát triển thị trường lâm sản hàng hóa, thúc đẩy kinh tế rừng phát triển bền vững.

Đẩy mạnh thực hiện các chương trình, dự án phát triển lâm nghiệp, xây dựng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực lâm nghiệp. Khuyến khích trồng các loài cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương và định hướng phát triển của các huyện, thành phố; đẩy mạnh phát triển các mô hình nông lâm kết hợp gắn với khai thác rừng bền vững để tăng thu nhập cho người làm nghề rừng.

5. Tập trung phát triển các loài thủy sản có giá trị, phù hợp với điều kiện tự nhiên đáp ứng nhu cầu của thị trường. Đẩy mạnh áp dụng công nghệ sinh học trong nuôi trồng thủy sản, giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường. Tăng cường quản lý khu bảo tồn thủy sản: Hệ thống hồ chứa trên sông Đà và khu Bảo tồn Sông Mã nhằm bảo vệ các loài cá quý hiếm như: cá Lăng, các Chiên, các Rầm xanh.... Phát triển nuôi cá lồng bền vững trên các lòng hồ chứa thủy điện gắn với phát triển du lịch. Phấn đấu đến năm 2025, diện tích nuôi trồng thủy sản: 3.220 ha; sản lượng thủy sản đạt 13.060 tấn. Định hướng đến năm 2030 diện tích nuôi trồng thủy sản: 5.000 ha; sản lượng thủy sản đạt 20.000 tấn.

6. Hình thành, phát triển Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Sơn La thực hiện nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm, trình diễn mô hình sản xuất, sản phẩm nông nghiệp; liên kết các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp; thu hút nguồn đầu tư, nhân lực công nghệ cao trong nước và ngoài nước thực hiện hoạt động ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, bền vững đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định phục vụ các cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản theo định hướng của tỉnh. Phát huy lợi thế của từng vùng gắn với đẩy mạnh chương trình mỗi xã 1 sản phẩm. Giai đoạn 2021 - 2030 duy trì, phát triển 83 sản phẩm OCOP 3 sao, 4 sao, 5 sao đã được cấp có thẩm quyền công nhận; phát triển thêm 47 sản phẩm OCOP 3 sao, 4 sao, 5 sao mới.

## **V- GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Công tác chỉ đạo điều hành**

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo thực hiện phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tăng cường các giải pháp về cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia đầu tư, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng cao trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chủ trương, quan điểm của tỉnh về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và mọi tầng lớp nhân dân.

**2. Tạo quỹ đất phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:** Điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phù hợp phục vụ chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Đẩy mạnh chủ trương tích tụ, tập trung đất đai phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, quy mô lớn, phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Nghiên cứu, đánh giá, tổ chức triển khai thí điểm các mô hình thu hồi, đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh có sự tham gia của Nhà nước và các thành phần kinh tế. Khuyến khích nông dân góp vốn bằng quyền sử dụng đất; phát triển các ngành nghề ở nông thôn tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người dân.

### **3. Tổ chức sản xuất nông sản, thủy sản nguyên liệu phục vụ chế biến**

Thực hiện tốt các chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; liên kết giữa doanh nghiệp chế biến với người nông dân và hợp tác xã. Xây dựng các vùng sản xuất nông sản tập trung đồng bộ với quy hoạch mạng lưới các nhà máy chế biến; ưu tiên diện tích đất đủ lớn và ổn định để đáp ứng ngay cho các nhà máy chế biến nông sản hiện có và các dự án đang triển khai đầu tư xây dựng.

Mỗi huyện, thành phố lựa chọn ưu tiên phát triển một số loại nông sản chủ lực và nhóm nông sản mà địa phương có lợi thế sản xuất, mang tính đặc sản vùng miền và có khả năng liên kết với các địa phương xung quanh để tạo ra vùng nông sản tập trung, quy mô hàng hóa lớn.

**4. Khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:** Lồng ghép các nguồn vốn từ chương trình khuyến nông, khuyến lâm; các chương trình mục tiêu quốc gia; chương trình, dự án đầu tư phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn... phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch. Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn, nhất là các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tăng cường huy động nguồn vốn của doanh nghiệp, hợp tác xã, vốn vay của các tổ chức tín dụng, hộ gia đình, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác...

### **5. Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách**

Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành cơ chế chính sách về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh; gắn cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, đầu tư sản xuất, hoạt động dịch vụ trong vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Khuyến khích, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thu mua, chế biến nông sản tham gia dự án hoặc phương án hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản có các chứng chỉ về an toàn thực phẩm, thực hành sản xuất nông nghiệp tốt...

**6. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật đồng bộ:** Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, đa dạng nguồn lực của Nhà nước và các thành phần kinh tế, huy động các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước và các thành phần kinh tế để đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

**7. Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến vào sản xuất:** Tăng cường ứng dụng các tiên bộ kỹ thuật mới vào sản xuất.. Đẩy mạnh đầu tư cơ giới hóa, hiện đại hóa trang thiết bị và cơ sở vật chất; ứng dụng toàn diện và đồng bộ các kỹ thuật phục vụ sản xuất các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh theo hướng bền vững. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, sản xuất các thiết bị phục vụ cơ giới hóa trong nông nghiệp. Tăng cường hợp tác khoa học công nghệ trong sản xuất, phòng chống dịch bệnh, bảo quản, chế biến nông sản; khuyến khích ứng dụng kỹ thuật số trong sản xuất; thực hiện chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho người dân. Quản lý, khai thác có hiệu quả khu nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ về nông, lâm nghiệp tại huyện Mộc Châu.

**8. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:** Tăng cường công tác đào tạo cho đội ngũ cán bộ ngành nông nghiệp của tỉnh. Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tăng cường công tác tập huấn cho người dân. Tổ chức tham quan học tập các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao mang lại hiệu quả kinh tế cao.

**9. Phát triển thị trường, dịch vụ hỗ trợ hoạt động nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**

Hoàn thiện hệ thống các kênh tiêu thụ sản phẩm nông sản kết nối chặt chẽ theo chuỗi giá trị gia tăng đảm bảo lợi ích của các đối tượng tham gia.

Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại các sản phẩm nông sản; gắn phát triển du lịch với giới thiệu sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông sản nhất là các sản phẩm chế biến nông sản đóng gói tại tỉnh thông qua hội chợ, hội nghị, diễn đàn thương mại xúc tiến đầu tư. Hỗ trợ xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu cho các mặt hàng nông sản của tỉnh. Tạo mối liên hệ giữa nông dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong phát triển nông sản hàng hóa thông qua liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản.

Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu nông sản nhất là phát triển các thị trường tiềm năng, trong đó quan tâm đặc biệt đến thị trường trọng điểm gần nước ta; tìm kiếm, khai thác các thị trường mới mà nông sản của tỉnh có lợi thế

về chủng loại, chất lượng, mùa vụ. Xây dựng, bảo vệ và phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm nông sản của tỉnh, tăng diện tích cấp mã số vùng trồng cho một số loại cây trồng trên địa bàn tỉnh. Tăng cường mở rộng thị trường trong nước, đẩy mạnh các hoạt động kết nối, triển lãm, quảng bá giới thiệu sản phẩm, đưa nông sản của tỉnh đến với người tiêu dùng trên cả nước.

## VI- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy tỉnh căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Nghị quyết xây dựng kế hoạch, tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương, đơn vị.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, bổ sung, giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân đầu tư vào phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

3. Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo:

Ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Đề án đã được phê duyệt. Chủ động xác định các mục tiêu, giải pháp cụ thể về xây dựng nông lâm nghiệp, thủy sản tập trung, bền vững, ứng dụng công nghệ cao trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện, kịp thời điều chỉnh giải pháp cụ thể phù hợp với tình hình thực tế.

Chỉ đạo đề xuất bổ sung, hoàn thiện các cơ chế chính sách phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành.

Định kỳ hằng năm báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết với Ban Thường vụ tỉnh ủy (trước ngày 15/12 hàng năm).

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết này đến cán bộ, đảng viên và nhân dân.

5. Giao Văn phòng Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết./.

### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh,
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Lưu, VPTU, PTH, Hạnh.

T/M TỈNH ỦY  
BÍ THƯ



Nguyễn Hữu Đông